| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN MƯỜNG LÁT**<br>**TỈNH THANH HOÁ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 43/2019/HS-ST
Ngày 06 - 11 - 2019

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT - TỈNH THANH HOÁ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Nguyễn Tiến Dũng
*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lương Văn Cường
2. Ông Hoàng Văn Hào

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà:*** Bà Lê Thị Hằng, Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa:*** Ông Lâu Văn Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 41/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2019; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 43/2019/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Ngân Văn H** - Sinh năm 1973.

Nơi sinh: Thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: Khu 1, thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông: Ngân Văn M, đã chết; Con bà: Ngân Thị Ng, đã chết; Vợ: Hà Thị O, sinh năm 1977; Con có 02 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 1997

Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/7/2019 chuyển tạm giam ngày 25/7/2019 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn Ngọc Khang, Trợ giúp viên pháp lý, Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 1, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07$^{h}$ 30 phút, ngày 19/7/2019, Ngân Văn H đi bộ từ nhà ở khu 1, thị trấn Mường Lát xuống bản Cặt, xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát mục đích tìm mua ma túy để sử dụng. Tại bản Cặt, xã Nhi Sơn, bị cáo Ngân Văn H đã gặp một người đàn ông tên là D, qua trao đổi với D thì Ngân Văn H biết D có thể đi mua được ma túy, nên Ngân Văn H đã nhờ D đi mua giúp ma túy. Ngân Văn H đã đưa cho D 50.000$^{đ}$ (Năm mươi nghìn đồng) để D đi mua ma túy. Khoảng 30 phút sau thì D quay lại và đưa cho H 01 cục hêrôin, nhận được hêrôin, H lấy ra một ít sử dụng ngay tại chỗ, số hêrôin còn lại H gói lại bằng túi nilon màu đen rồi cất giấu vào túi áo bên trái đang mặc và đi bộ về nhà. Khi Ngân Văn H đi đến khu vực suối Cặt, xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát thì H bị lực lượng Công an huyện Mường Lát kiểm tra, phát hiện Ngân Văn H đang tàng trữ trái phép chất ma túy trong túi áo ngực, nên Công an huyện Mường Lát tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Ngân Văn H.

Tại Bản kết luận giám định số: 1762/PC09 ngày 23/7/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận: Các cục vụn màu trắng ngà của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng là 0,135g (Không phẩy một ba lăm gam), loại: Hêrôin.

Tại Cáo trạng số 43/CT-VKS-ML ngày 06/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố bị cáo Ngân Văn H về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c, khoản 1, điều 249 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa, tranh luận và luận tội đối với bị cáo: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố Bị cáo Ngân Văn Hòn phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng: Điều 38; điểm s khoản 1, điều 51; Điểm c, khoản 1 điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đề nghị hình phạt áp dụng đối với bị cáo Ngân Văn H từ **12** đến **14** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, vì bị cáo là hộ nghèo.

Vật chứng: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định;

Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo không bị Cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng biện pháp ép cung, bức cung hay nhục hình và khai nhận biết rõ hành vi tàng trữ chất ma túy để sử dụng là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng do bản thân bị nghiện chất ma túy (đã nghiện ma túy 10 năm), bị cáo lơn cơn nghiện nên không kìm chế được bản thân, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã nêu là đúng, bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới.

Người bào chữa cho bị cáo đồng tình với quan điểm truy tố của VKS về tội danh, điều luật áp dụng và khung hình phạt. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải. Ngoài ra, bị cáo lại là người dân tộc thiểu số, từ nhỏ đã sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự. Nên đề nghị HĐXX cho bị cáo một mức án ở mức khởi điểm của khung hình phạt, để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình, xã hội và trở thành công dân có ích và vẫn có tính phòng ngừa chung; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo, vì bị cáo thuộc diện hộ nghèo;

Tại phiên tòa, Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS, bị cáo đồng tình với lời bào chữa của người bào chữa, không bổ sung thêm gì.

***Lời nói sau cùng của bị cáo:*** Bị cáo rất ân hận về việc làm của mình, vì là người nghiện chất ma túy nên bị cáo không làm chủ được bản thân, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo một mức án thấp nhất có thể, để bị cáo sớm được về với gia đình, xã hội và sẽ trở thành người công dân tốt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố:

Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 37 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các tài liệu, chứng cứ được thu thập theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Nên các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Đánh giá chứng cứ, yêu cầu, đề nghị của Kiểm sát viên, hành vi của bị cáo: Tại phiên toà bị cáo Ngân Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với các lời khai của bị cáo tại biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; biên bản kết luận giám định; biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và được Hội đồng xét xử thẩm tra công khai tại phiên toà. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Sáng ngày 19/7/2019, bị cáo Ngân Văn H đã đi bộ xuống bản Cặt, xã Nhi Sơn và nhờ một người tên là D đi mua giúp ma túy, với mục đích để sử dụng cho bản thân, số tiền bị cáo dùng để mua ma túy là 50.000$^{đ}$, khi mua được ma túy, bị cáo đã sử dụng một ít, số còn lại bị cáo đã gói lại bằng túi nilon màu đen và giấu vào túi áo ngực đang mặc và đi bộ về nhà, khi bị cáo đi về đến khu vực suối Cặt, bản Nhi Sơn thì bị Tổ công tác tuần tra Công an huyện Mường Lát phát hiện, bắt quả tang về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy", khối lượng ma túy thu giữ của bị cáo là 0,135 gam hêrôin.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, làm ảnh hưởng không những đến sức khỏe của người nghiện mà ảnh hưởng tới kinh tế của gia đình người nghiện, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo là người có đủ năng lực để chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội của mình. Sau khi xem xét về hành vi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự, khối lượng ma túy bị thu giữ của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, HĐXX kết luận: Quan điểm truy tố của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Sau khi phạm tội và tại phiên tòa bị cáo "thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" về hành vi phạm tội của mình nên HĐXX cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Nhưng với tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, thì HĐXX quyết định áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình, xã hội và để bị cáo có điều kiện cai nghiện chất ma túy.

[4] Về hình phạt chính và hình phạt bổ sung:

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về mức hình phạt cho bị cáo là phù hợp với hành vi phạm tội và khối lượng chất ma túy thu giữ, đã đủ sức răn đe, phòng ngừa.

Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, từ 5.000.000$^{d}$ đến 500.000.000$^{d}$, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản theo quy định tại khoản 5 điều 249 BLHS. Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, cho thấy bị cáo làm nghề trồng trọt, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo năm 2019. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Vật chứng trong vụ án:

Chất ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau giám định là vật chứng của vụ án, là chất Nhà nước cấm lưu hành, tịch thu hiêu hủy.

[6] Về án phí, quyền kháng cáo và kháng nghị: Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

[7] Các nhận định khác:

Đối với người đàn ông dân tộc Mông tên là D là người đi mua ma túy cho bị cáo; Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát đã xác minh tại địa phương, nhưng

không có ai tên là D như lời khai của bị cáo, nên không thể xử lý ở vụ án này. Cơ quan CSĐT sẽ tiếp tục điều tra để xử lý ở vụ án khác.

Vì các lẽ trên:

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự;

Điểm c, khoản 1 điều 249; Điều 38; Điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015;

***Tuyên bố:*** Bị cáo **Ngân Văn H** phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

***Hình phạt:*** Xử phạt Bị cáo **Ngân Văn H 13** (Mười ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (19/7/2019).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

**Vật chứng:** Áp dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong niêm phong mẫu vật do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đăng, Lưu Bình Nguyên, Bùi Thanh Duyệt, cùng các hình dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa.

Vật chứng kể trên hiện đang lưu giữ, bảo quản tại kho tang vật của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/10/2019 giữa Công an huyện Mường Lát và Chi cục THADS huyện Mường Lát.

***Về án phí:*** Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ, khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Tuyên: Miễn tiền án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

***Kháng cáo, kháng nghị:*** Căn cứ điều 331, điều 333 và điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Án xử công khai. Có mặt bị cáo và Người bào chữa cho bị cáo; Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
- Phòng KTNV-THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân huyện Mường Lát;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa
- Cơ quan CSĐT- Công an H. Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND thị trấn Mường Lát, H. Mường Lát;
- Trại tạm giam Công an T. Thanh Hóa;
- Bị cáo Ngân Văn H;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tiến Dũng**